

Số: 15 /2025/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng
nhỏ hơn 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ,
đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số
29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6
năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày
16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 50/TTr-STNMT ngày 19 tháng 02 năm 2025 (kèm theo Phiếu ghi ý kiến cuộc họp ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng nhỏ hơn 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng nhỏ hơn 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác

Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất nhỏ hơn 02 ha phải đảm bảo tiêu chí, điều kiện như sau:

1. Đối với tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành về đất đai, trồng trọt thì phải đảm bảo các tiêu chí, điều kiện bao gồm:

a) Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất thì phải có phương án sử dụng tầng đất mặt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; không làm ảnh hưởng đến canh tác đối với diện tích đất trồng lúa liền kề.

b) Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định pháp luật về đầu tư, các quy định của pháp luật khác có liên quan và hồ sơ môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường (trừ những trường hợp pháp luật hiện hành không quy định).

2. Đối với tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác thì phải đảm bảo các tiêu chí, điều kiện bao gồm:

a) Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

b) Đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất mà trên đất có rừng trồng, rừng tự nhiên đủ tiêu chí thành rừng thì phải có đầy đủ hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

c) Đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư thì phải có quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, các pháp luật khác có liên quan và hồ sơ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (trừ những trường hợp pháp luật hiện hành không quy định)

3. Phù hợp kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Đối với cá nhân không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư và cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai năm 2024 thì phải phù hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.

Sau khi được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì người sử dụng đất có trách nhiệm lập các thủ tục về môi trường trước khi triển khai đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Tổ chức, cá nhân phải đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật trồng trọt; nghĩa vụ về trồng rừng thay thế, nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp trước khi cơ quan có thẩm quyền ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

3. Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thì các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025.

2. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- LĐVP, Phòng: KT, NC, TH, KGVX;
- Lưu: VT (D.Thắng TNMT QDPPL.05).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

